

LUYỆN TẬP VỀ TRƯỜNG TỪ VỰNG VÀ TỪ TRÁI NGHĨA

(I tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm vững các khái niệm trường từ vựng và từ trái nghĩa.
- Biết vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUÔN Ý

1. Trường từ vựng là tập hợp những từ có nét chung về nghĩa. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn ; những từ trong một trường từ vựng có thể khác biệt nhau về từ loại. Do hiện tượng đa nghĩa, một từ có thể tham gia vào nhiều trường từ vựng khác nhau. (Chi tiết xem bài *Trường từ vựng*, trong SGK *Ngữ văn 8*, tập một).

2. Hai từ trái nghĩa khi có nghĩa đối lập nhau. Cũng như các từ có chung trường từ vựng, hai từ chỉ có thể trái nghĩa nếu có một cơ sở chung nào đó. Do hiện tượng đa nghĩa, một từ có thể tham gia vào nhiều quan hệ trái nghĩa khác nhau. (Chi tiết xem bài *Từ trái nghĩa*, trong SGK *Ngữ văn 7*, tập một).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài tập I

a) Có thể phân thành hai nhóm : (1) trường từ vựng "quân sự" : *cung ngựa, trường nhung, khiên, súng, mác, cờ* ; (2) trường từ vựng "nông nghiệp" : *ruộng trâu, làng bộ, cuốc, cày, bừa, cấy*. Trước những từ ngữ thuộc trường từ vựng "quân sự", Nguyễn Đình Chiểu dùng những từ ngữ phủ định : *chưa quen, đâu tới, chưa từng ngó* ; trong khi trước những từ ngữ thuộc trường từ vựng "nông nghiệp", tác giả lại dùng những từ ngữ khẳng định : *chỉ biết, ở trong, vốn quen làm*. Như vậy, việc sử dụng một loạt từ thuộc hai trường từ vựng ở thế đối lập nhau là cách để nhấn mạnh các nghĩa sĩ Cần Giuộc là nông dân, chứ không phải là binh lính chuyên nghiệp, nhờ thế càng thể hiện lòng xót thương và cảm phục của tác giả

trước những người đã ngã xuống vì nghĩa lớn : những người "dân ấp, dân lân" xông lên chống giặc, xem đó là nhiệm vụ của chính mình, chứ không nghĩ đó chỉ là trách nhiệm của triều đình.

b) Trong có hai câu thơ, Nguyễn Khuyến sử dụng đến bốn từ *vội*, *ngay*, *chợt*, *bỗng*, đều có chung nét nghĩa là "diễn tiến rất nhanh" hay "bất ngờ". Điều đó thể hiện nỗi đau đớn và lòng thương tiếc của tác giả trước cái chết đột ngột của bạn mình.

Bài tập 2

a) Những từ trái nghĩa là *nhỏ – to*, *trước – sau* (trong *bọn hè trước, lũ ó sau*), *thác – còn*, *sóng – thác*, *già – trẻ*, *sóm – tối*, *trước – sau* (trong *Kính yêu từ trước đến sau*), *xa – gần*, *sâu – nông*, *buồn – vui*.

b) Nhìn chung, việc sử dụng những từ có quan hệ trái nghĩa như vậy khiến người đọc nhận thức trong thế đối lập nội dung tác giả muốn chuyển tải, nhờ thế thông tin nổi bật hơn. GV hướng dẫn HS đi vào phân tích một vài trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, thế đối lập do việc dùng những từ có quan hệ trái nghĩa mang lại có khi làm tăng sự chua xót trước nghịch lí trong *Mẹ già ngồi khóc trẻ* ; lòng thương tiếc trong *Sóm dâng lời biếu, tối dày đi xa* ; nhấn mạnh ý quả quyết chống giặc trong *Thà thác mà dặng câu địch khái [...] ; hơn còn mà chịu chửi dâu Tây [...]*.

Có thể chia làm hai nhóm : (1) *thà thác, hơn còn / mẹ già ngồi khóc trẻ / sóm dâng, tối dày / người buồn cảnh có vui đâu* ; (2) *dạn nhỏ, dạn to / hè trước, ó sau / sóng đánh giặc, thác cũng đánh giặc / sóng thờ vua, thác cũng thờ vua / từ trước đến sau / hỏi hết xa gần / tàu trình sâu nông*. Nhóm (1) có ý nghĩa đối lập ; còn nhóm (2) không chỉ có nghĩa đối lập, mà còn có nghĩa bao quát : *dạn nhỏ, dạn to* không phải là dạn nhỏ và dạn to, mà là tất cả các loại dạn. Tương tự, (*hè*) *trước*, (*ó*) *sau* là khắp nơi ; *sóng (đánh giặc)*, *thác (cũng đánh giặc)* thể hiện tinh thần quyết chiến ; *sóng (thờ vua)*, *thác (cũng thờ vua)* chỉ tinh thần tận trung với nước ; (*từ*) *trước (đến) sau* biểu thị lòng chung thuỷ ; (*hỏi hết*) *xa gần* là cặn kẽ, chu đáo ; (*tàu trình*) *sâu nông* là kĩ lưỡng, không bỏ sót sự kiện gì.

Bài tập 3

Tuỳ thực tế bài làm của HS mà GV có hướng sửa chữa thích hợp.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1981.